

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

[TIẾNG TRUNG DU LỊCH]

Mã học phần: CHC32021– Số tín chỉ: 02

Dùng cho ngành: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành: Anh-Trung

Điều kiện tiên quyết: Tổng hợp tiếng Trung 2

Hình thức đào tạo: Trực tiếp/trực tuyến

Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại Ngữ

1. Thông tin chung về học phần

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, kỹ năng, tác phong nghề nghiệp, có sức khỏe tốt và khả năng thích ứng cao để làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Trung Quốc, đáp ứng đòi hỏi của thị trường lao động và nhu cầu hội nhập quốc tế của đất nước.

Học phần góp phần đạt chuẩn đầu ra A2, B1, B3, C3, C4 của CCĐT cử nhân Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành Anh-Trung trường Đại học QL và CN Hải Phòng.

Học phần Tiếng Trung Quốc Du lịch nhằm giúp người học:

- PO1: Có kiến thức, tích lũy và mở rộng vốn từ về chuyên ngành du lịch,...hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc, dịch thuật...
- PO2: Có khả năng vận dụng tốt kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin để hỗ trợ môn học chuyên ngành.
- PO2: Có khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm và khả năng tự học, tự nghiên cứu, độc lập tư duy, giải quyết vấn đề.
- PO4: Tự tin trong giao tiếp. Biết ứng xử, giao tiếp một cách văn hoá; tôn trọng và yêu quý giảng viên, bạn bè. Nhận thức được tầm quan trọng của học phần và yêu thích, say mê học tập.

2. Chữ viết tắt: G= mục tiêu; a=CĐR kiến thực; b=CĐR kỹ năng; c=CĐR năng lực tự chủ

3. Chuẩn đầu ra của học phần

Sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc sau khi học xong học phần Tiếng Trung Quốc Du lịch phải đạt những tiêu chuẩn sau:

3.1 Kiến thức

- a1: Nắm vững, nghe hiểu các nhóm từ vựng, các mẫu câu cơ bản liên quan về các chủ đề trong học phần.
- a2: Nắm vững các kiến thức chuyên ngành về du lịch: qua hải quan, đón tiếp đoàn du lịch, lịch trình du lịch, cảnh điểm Hà Nội, cảnh điểm Việt Nam...
- a3: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.

3.2 Kỹ năng

- b1: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...
- b2: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.

3.3 Phẩm chất, thái độ

- c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc

lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.

- c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.

- c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.

- c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.

4. Tài liệu học tập:

4.1. Giáo trình chính:

[4.1.1]. Tiếng Trung Du lịch, Giáo trình nội bộ

4.2. Tài liệu tham khảo:

[4.2.1]. Nguyễn Thiện Chí, Lâm Gia Bửu Trân, *Đàm thoại tiếng Hoa du lịch*, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn

[4.2.2]. Trần Thị Thanh Liêm, Chu Quang Thắng, *Đàm Thoại tiếng Hoa du lịch*, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin

[4.2.3]. Tống Nghi Trinh, Triệu Thanh Khôi, *Giao tiếp Tiếng Hoa trong mọi tình huống*, NXB Hồng Đức

[4.2.4]. Trương Văn Giới, Lê Khắc Kiều Lục, *Tiếng Hoa dùng trong Du lịch*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nội dung kế hoạch dạy học:

Thời lượng: 60 tiết;

Thời lượng	Nội dung	PPDH và PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu	Phương pháp KTĐGTX và KTĐG việc tự học của sinh viên	KQ cần đạt
06 tiết	Bài 1: 旅游交通工具 一、课文二 、生词三、 练习 阅读：越南交通情况	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề các phương tiện du lịch. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về những điều cần lưu ý khi du lịch bằng các phương tiện như: máy bay, xe hơi, tàu hỏa - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập, tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân -PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 1, chuẩn bị bài 2, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về chủ đề các phương tiện du lịch	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
06 tiết	Bài 2: 办海关手续 一、课文二 、生词三、 练习 阅读：海关检查	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề hải quan. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về những điều cần lưu ý khi qua hải quan - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập, tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân -PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 1, chuẩn bị bài 2, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google,youtube, tìm hiểu về các thủ tục qua hải quan	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

<p>06 tiết</p>	<p>Bài 3: 迎接旅游团 一、课文二 、生词三、 练习 阅读：迎接服务 —— 赴饭店途中服务</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề đón tiếp du lịch. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về những điều cần lưu ý khi đón tiếp đoàn du lịch - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 4, chuẩn bị bài 5, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về đón tiếp đoàn du lịch</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>06 tiết</p>	<p>Bài 4: 旅游日程 一、课文二 、生词三、 练习 阅读： 越南旅游签证办理</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề lịch trình du lịch 5-7 ngày. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về thiết kế lịch trình du lịch 5-7 ngày - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 4, chuẩn bị bài 5, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về lịch trình du lịch 3-5 ngày</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

09 tiết	Bài 5: 介绍河内旅游景点 一、课文二 、生词 三、练习 阅读:越南首都— —河内简介	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề cảnh điểm Hà Nội: Văn Miếu, Quảng trường Ba Đình, Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm... Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về cảnh điểm Hà Nội: Văn Miếu, Quảng trường Ba Đình, Hồ Tây, Hồ Hoàn Kiếm... - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 5, chuẩn bị bài 6, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về cảnh điểm Hà Nội	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
09 tiết	Bài 6: 介绍越南旅游景点 + KTGHP 一、课文二 、生词三、 练习 阅读: 赴 越南 旅 游 注意 事 项	- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề cảnh điểm Việt Nam: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Hạ Long, Sa pa, Nha Trang...Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về cảnh điểm Việt Nam: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Hạ Long, Sa pa, Nha Trang... - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 6, chuẩn bị bài 7, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về cảnh điểm Việt Nam	- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi - Kiểm tra giữa học phần: Bài thuyết trình. Nội dung liên quan toàn bộ kiến thức tiếng Trung Quốc được học đến thời điểm kiểm tra	- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.

<p>06 tiết</p>	<p>Bài 7: 旅游的 一天 一、课文二 、生词三、 练习 阅读：红河一天游</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề lịch trình 1 ngày quanh Hà Nội. Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về lịch trình 1 ngày quanh Hà Nội. - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 7, chuẩn bị bài 8, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về lịch trình du lịch 1 ngày</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>
<p>06 tiết</p>	<p>Bài 8: 问路 一、课文二 、生词三、 练习 阅读：问路和接受问路有哪些礼仪要求？</p>	<p>- Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng và bài hội thoại - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề hỏi đường du lịch (mẫu câu, lễ nghi). Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về hỏi đường du lịch (mẫu câu, lễ nghi). - Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi, làm bài tập - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 8, chuẩn bị bài 9, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về vấn đề hỏi đường khi du lịch</p>	<p>- Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi</p>	<p>- SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.</p>

<p>06 tiết</p>	<p>Bài 9: 购物 一、课文二 、生词三、 练习 阅读：北京旅游 购物指南</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Dạy học theo phương pháp thuyết trình, hướng dẫn lý thuyết về từ vựng . - Dạy học theo phương pháp thảo luận nhóm chủ đề hỏi đường du lịch (mẫu câu, lễ nghi). Yêu cầu SV nghiên cứu tài liệu và trình bày về mua sắm du lịch (mẫu câu, cách mặc cả). - Dạy học theo phương pháp làm việc nhóm: Chia lớp làm các nhóm nhỏ trả lời câu hỏi , làm bài tập. Tổng hợp ý kiến SV và thuyết trình theo nhóm hoặc cá nhân - PP hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu: GV hướng dẫn sv tự chủ đọc tài liệu, ôn tập bài 9, sử dụng tài liệu học tập [4.1], [4.2] và các tài liệu, video trên baidu, google, youtube tìm hiểu về vấn đề mua sắm khi du lịch 	<ul style="list-style-type: none"> -Kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao như: chuẩn bị bài ở nhà, làm bài tập BT trên lớp, làm bài tập nhóm,... - Hình thức KTĐGTX và KTĐG việc tự học của SV: kiểm tra từ vựng, mẫu câu, trả lời câu hỏi theo. 	<ul style="list-style-type: none"> - SV có thể vận dụng các kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong bài để đặt câu, lập hội thoại, giải quyết các bài tập trong sách và các dạng bài tập bổ trợ có tiên quan, tự tin sử dụng kiến thức đã học để giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc.
-----------------------	--	--	--	---

7. Đánh giá kết quả học tập

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra										
			a1	a2	a3	b1	b2	b3	b4	c1	c2	c3	c4
Quá trình	ĐG1. Tự luận	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	ĐG2. Tự luận	25%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Kết thúc học phần	ĐG3. Bài thi kết thúc học phần	50%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<i>Tổng cộng:</i>		100%											

8. Hoạt động đánh giá

8.1. Hoạt động đánh giá 1 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, a3, b1, b2, c1, c2

Tỷ lệ: 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm + TL
- Mô tả bài đánh giá 1: Đánh giá kiến thức về ngôn ngữ sử dụng trong lĩnh vực du lịch (Bài 1 đến Bài 5)

8.2. Hoạt động đánh giá 2 - Chuẩn đầu ra: a1, a2, a3, b1, b3, c3, c4

Tỷ lệ 25% điểm học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm + TL
- Mô tả bài đánh giá 2: Đánh giá khả năng ứng dụng kiến thức về ngôn ngữ sử dụng trong lĩnh vực du lịch (từ bài 6 đến bài 10)

8.3. Hoạt động đánh giá 3 – tỷ lệ chiếm 50% điểm học phần

Hình thức: Bài thi cuối kì kết thúc học phần

- Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm + TL
- Mục đích:
 - o Đánh giá năng lực ghi nhớ về ngôn ngữ sử dụng trong lĩnh vực du lịch.
 - o Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức về ngôn ngữ sử dụng trong lĩnh vực du lịch vào giao tiếp thông thường ở cấp độ HSK 4
 - o Đánh giá khả năng làm việc độc lập
- Bài thi cuối kì được tính theo thang điểm 10

Chuẩn đầu ra: a1; a2; a3; b1; b2; b3, b4, c1; c2; c3; c4

8.4. Ma trận đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1: Nắm vững, nghe hiểu các nhóm từ vựng, các mẫu câu cơ bản liên quan về các chủ đề trong học phần.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
a2: Nắm vững các kiến thức chuyên ngành về du lịch: qua hải quan, đón tiếp đoàn du lịch, lịch trình du lịch, cảnh điểm Hà Nội, cảnh điểm Việt Nam...	Sử dụng tốt	Sử dụng khá tốt	Sử dụng ở mức trung bình	Sử dụng ở mức hạn chế	Sử dụng rất hạn chế
a3: Có kiến thức, hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, văn hóa Trung Quốc để làm nền tảng cơ bản cho việc nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng kiến thức chuyên ngành; Có năng lực chuyên môn, sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ tiếng Trung Quốc để ứng phó, giải quyết các tình huống giao tiếp và có thể làm việc ở các vị trí khác nhau như biên - phiên dịch viên, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên, nghiên cứu	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
viên,... có liên quan đến các ngành nghề sử dụng đến tiếng Trung Quốc hoặc tham gia học tập ở bậc cao hơn.					
b1: Có các kỹ năng mềm cơ bản như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, tranh luận, thuyết trình, hợp tác, làm việc nhóm,...	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
b2: Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu để có thể tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức của bản thân, hoàn thành được yêu cầu của học phần cũng như tiếp tục học những học phần tiếp theo và học tập suốt đời.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c1: Có tinh thần làm việc chủ động, khả năng tự lập trong cuộc sống, khả năng tư duy độc lập, sống có trách nhiệm với cộng đồng, với môi trường.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c2: Tự tin giao tiếp bằng ngoại ngữ trong môi trường đa văn hóa; có năng lực sử dụng công nghệ thông tin để làm việc và kết nối thông tin Quốc tế.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c3: Có tinh thần hợp tác, khả năng làm việc đội nhóm; thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, môi trường làm việc có nhiều nền văn hóa.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế
c4: Không ngừng học học trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân để hoàn thành công việc tốt hơn. Rèn thói quen, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu. Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Nhiệt tình, say mê và tích cực tìm tòi học hỏi, khám phá để bổ sung kiến thức trong công việc và cuộc sống. Biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu. Biết cách xây dựng các phương án, giả thuyết để triển khai việc nghiên cứu.	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

8.5 Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả học tập chung của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{\text{ĐG1} \times 25 + \text{ĐG2} \times 25 + \text{ĐG3} \times 50}{100}$$

9. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,...):
Phòng học với diện tích phù hợp, yên tĩnh, được trang bị đầy đủ thiết bị như:
 - + bàn ghế, phấn bảng, đèn, quạt, điều hòa
 - + projector
 - + Loa, Đài cassette
 - + Lớp học không quá 35 sinh viên
- Yêu cầu đối với sinh viên:
 - + Dự lớp : tối thiểu 70% thời lượng môn học.
 - + Bài tập : Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ bài tập theo yêu cầu của giảng viên.
 - + Có đầy đủ giáo trình và tài liệu học tập (băng, đĩa).

10. An toàn của sinh viên và giảng viên

Chú ý an toàn lớp học. An toàn PCCC và cứu hộ cứu nạn

11. Kỹ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày ... tháng năm 2023
Người biên soạn

TS. Trần Thị Ngọc Liên

Tổ tiếng Trung